

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 87/2012/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2012

NGHỊ ĐỊNH

QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT HẢI QUAN VỀ THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật hải quan ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật hải quan ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật hải quan về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại.

Chương 1.

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thương mại.
2. Cơ quan Hải quan, công chức Hải quan.
3. Cơ quan khác của Nhà nước trong việc phối hợp quản lý nhà nước về hải quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thủ tục hải quan điện tử là thủ tục hải quan trong đó việc khai, tiếp nhận, xử lý thông tin khai hải quan, trao đổi các thông tin khác theo quy định của pháp luật về thủ tục hải quan giữa các bên có liên quan thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.
2. Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan là hệ thống thông tin do Tổng cục Hải quan quản lý để thực hiện thủ tục hải quan điện tử.
3. Hệ thống khai hải quan điện tử là hệ thống thông tin phục vụ cho người khai hải quan khai và tiếp nhận thông tin, kết quả phản hồi của cơ quan Hải quan trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan điện tử.

4. Quản lý rủi ro là việc áp dụng có hệ thống các biện pháp thu thập và xử lý thông tin nhằm đánh giá mức độ rủi ro vi phạm pháp luật làm căn cứ cho cơ quan Hải quan quyết định hình thức, mức độ kiểm tra, giám sát đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

5. Tờ khai hải quan điện tử là một dạng chứng từ điện tử bao gồm tập hợp các chỉ tiêu thông tin khai của người khai hải quan.

6. Sự cố là trường hợp Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, Hệ thống khai hải quan điện tử không thực hiện được các giao dịch điện tử với nhau mà nguyên nhân có thể do một hoặc cả hai hệ thống hoặc do nguyên nhân khác dẫn đến không thực hiện được thủ tục hải quan điện tử.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của người khai hải quan điện tử

Ngoài các quyền, nghĩa vụ của người khai hải quan quy định tại Luật hải quan; quyền, nghĩa vụ của người nộp thuế quy định tại các Luật về thuế; quyền, nghĩa vụ của đối tượng lựa chọn giao dịch bằng phương tiện điện tử quy định tại Luật giao dịch điện tử và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện, người khai hải quan điện tử còn có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Quyền của người khai hải quan điện tử

a) Được ưu tiên thực hiện trước so với trường hợp đăng ký hồ sơ hải quan bằng giấy khi cơ quan Hải quan xác định phải kiểm tra chi tiết hồ sơ hải quan hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa;

b) Được thực hiện khai hải quan điện tử 24 giờ trong ngày, 7 ngày trong tuần và nhận thông tin phản hồi của cơ quan Hải quan trực tiếp qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan; trường hợp khai hải quan trong thời gian nghỉ theo quy định của pháp luật, nhưng thuộc diện phải nộp, xuất trình chứng từ thuộc bộ hồ sơ hải quan để cơ quan Hải quan kiểm tra làm cơ sở thực hiện các thủ tục tiếp theo thì được phản hồi kết quả chậm nhất 04 giờ kể từ thời điểm bắt đầu ngày làm việc kế tiếp;

c) Được sử dụng chứng từ in ra từ Hệ thống khai hải quan điện tử (có đóng dấu và chữ ký của người khai hải quan điện tử) đối với lô hàng đã được cơ quan Hải quan chấp nhận thông quan trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan để làm chứng từ vận chuyển hàng hóa trên đường;

d) Được lựa chọn hình thức nộp lệ phí hải quan và các loại phí do cơ quan Hải quan thu hộ các hiệp hội, tổ chức (nếu có) cho từng tờ khai hải quan hoặc nộp gộp theo tháng;

đ) Được cơ quan Hải quan cung cấp thông tin về quá trình xử lý hồ sơ hải quan điện tử thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

2. Nghĩa vụ của người khai hải quan điện tử

a) Thực hiện việc lưu giữ chứng từ điện tử thuộc hồ sơ hải quan (bao gồm cả bản sao) theo quy định của Luật giao dịch điện tử và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; cung cấp các chứng từ điện tử có liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cho cơ quan Hải quan để phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra theo thẩm quyền;

b) Trường hợp pháp luật quy định phải nộp chứng từ, tài liệu dưới dạng giấy cho cơ quan Hải quan khi thực hiện thủ tục hải quan điện tử, người khai hải quan phải ký tên, đóng dấu vào các chứng từ, tài liệu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các chứng từ, tài liệu đó;

c) Khi thực hiện thủ tục hải quan điện tử, người khai hải quan phải sử dụng chữ ký số đã đăng ký với cơ quan Hải quan. Trong giai đoạn chưa có chữ ký số thì được sử dụng tài khoản truy nhập

Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan để thực hiện thủ tục hải quan điện tử. Người khai hải quan có trách nhiệm bảo mật tài khoản để sử dụng khi giao dịch với cơ quan Hải quan thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan và chịu trách nhiệm về các giao dịch điện tử theo quy định của pháp luật.

Bộ Tài chính quy định lộ trình áp dụng chữ ký số khi thực hiện thủ tục hải quan điện tử.

d) Đáp ứng các điều kiện về công nghệ thông tin và kỹ năng khai hải quan điện tử. Trường hợp chưa đáp ứng được các điều kiện về công nghệ thông tin và kỹ năng khai hải quan điện tử thì thông qua đại lý làm thủ tục hải quan có đủ điều kiện để thực hiện thủ tục hải quan điện tử.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan Hải quan, công chức Hải quan

1. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều 27 Luật Hải quan; Luật Quản lý thuế; Luật Giao dịch điện tử và Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2007 về giao dịch điện tử trong lĩnh vực tài chính.
2. Xây dựng, quản lý, vận hành, phát triển Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan để thực hiện thủ tục hải quan điện tử theo quy định của Bộ Tài chính.
3. Tuyên truyền, hỗ trợ, đào tạo, hướng dẫn người khai hải quan thực hiện đúng các quy định của pháp luật về thủ tục hải quan điện tử. Kiểm tra và xử lý kịp thời theo thẩm quyền các hành vi vi phạm.

Điều 6. Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bên liên quan quy định cụ thể về trách nhiệm của mỗi bên trong việc xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác sử dụng Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan; quy định cụ thể các điều kiện về công nghệ thông tin và kỹ năng khai hải quan điện tử của người khai hải quan điện tử.

Điều 7. Nguyên tắc tiến hành thủ tục hải quan điện tử

1. Thủ tục hải quan điện tử được thực hiện theo các nguyên tắc quy định tại Điều 15 Luật hải quan; Điều 5, Điều 40 Luật giao dịch điện tử và các quy định khác của pháp luật có liên quan đến xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.
2. Cơ quan Hải quan áp dụng quản lý rủi ro trong kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, hồ sơ hải quan và các chứng từ liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu khi thực hiện thủ tục hải quan điện tử.
3. Người khai hải quan đăng ký theo quy định của Bộ Tài chính để được thực hiện thủ tục hải quan điện tử.

Chương 2.

THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU THƯƠNG MẠI

Điều 8. Hồ sơ hải quan điện tử

1. Hồ sơ hải quan điện tử bao gồm:

a) Tờ khai hải quan điện tử;

b) Các chứng từ khác thuộc hồ sơ hải quan điện tử là những chứng từ được quy định tại Khoản 1 Điều 22 Luật hải quan mà người khai hải quan phải nộp hoặc xuất trình cho cơ quan Hải quan.

Những chứng từ này có thể ở dạng chứng từ giấy, chứng từ điện tử, chứng từ chuyển đổi từ chứng từ giấy sang dạng điện tử hoặc ngược lại. Chứng từ khác thuộc hồ sơ hải quan ở dạng điện tử hoặc chuyển đổi có giá trị để làm thủ tục hải quan điện tử như chính chứng từ đó ở dạng giấy trừ khi pháp luật có quy định khác.

2. Bộ Tài chính quy định cụ thể nội dung, định dạng các chỉ tiêu thông tin của tờ khai hải quan điện tử; định dạng các chứng từ điện tử khác thuộc hồ sơ hải quan điện tử và việc sử dụng hồ sơ hải quan điện tử.

3. Hồ sơ hải quan điện tử lưu giữ tại Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan có giá trị pháp lý để làm thủ tục hải quan và xử lý các tranh chấp.

Điều 9. Khai hải quan điện tử

1. Thời hạn khai hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại được thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 18 Luật hải quan.

2. Người khai hải quan phải khai đầy đủ, chính xác, rõ ràng các thông tin theo các tiêu chí quy định tại Tờ khai hải quan điện tử; tự tính để xác định số thuế, các khoản thu khác phải nộp ngân sách nhà nước và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai.

3. Khi khai hải quan điện tử, người khai hải quan thực hiện:

a) Tạo thông tin khai Tờ khai hải quan điện tử trên Hệ thống khai hải quan điện tử;

b) Gửi Tờ khai hải quan điện tử đến cơ quan Hải quan thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan;

Trong trường hợp cơ quan Hải quan yêu cầu nộp, xuất trình các chứng từ khác thuộc hồ sơ hải quan điện tử trước khi đăng ký tờ khai, người khai hải quan gửi thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

c) Tiếp nhận thông tin phản hồi và thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan Hải quan.

4. Việc bổ sung, sửa chữa, thay thế Tờ khai hải quan điện tử được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 22 Luật hải quan và Luật quản lý thuế.

Điều 10. Tiếp nhận, kiểm tra, đăng ký, phân luồng tờ khai hải quan điện tử

1. Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tiếp nhận, kiểm tra, đăng ký Tờ khai hải quan điện tử 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần. Trường hợp có yêu cầu nộp, xuất trình chứng từ thuộc bộ hồ sơ hải quan, công chức hải quan trực tiếp kiểm tra nội dung khai của người khai hải quan để quyết định đăng ký tờ khai hoặc không chấp nhận đăng ký tờ khai trong giờ hành chính theo quy định tại Điều 19 Luật hải quan.

2. Trong trường hợp không chấp nhận đăng ký tờ khai, cơ quan Hải quan thông báo thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan cho người khai biết và nêu rõ lý do.

3. Trường hợp chấp nhận đăng ký tờ khai, Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan cấp số Tờ khai hải quan điện tử, thực hiện phân luồng và phản hồi thông tin cho người khai hải quan. Việc phân luồng được thực hiện theo một trong những hình thức dưới đây:

a) Chấp nhận thông tin khai Tờ khai hải quan điện tử và cho phép thông quan;

b) Nộp, xuất trình các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan điện tử để kiểm tra trước khi cho phép thông quan theo quy định tại Điều 11 Nghị định này;

c) Nộp, xuất trình chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử và xuất trình hàng hóa để kiểm tra trước khi cho phép thông quan.

Điều 11. Kiểm tra hồ sơ hải quan điện tử

1. Hình thức kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ điện tử trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan hoặc kiểm tra hồ sơ giấy.
2. Nội dung kiểm tra: Kiểm tra nội dung khai trên tờ khai hải quan điện tử, chứng từ thuộc hồ sơ hải quan điện tử, đối chiếu nội dung khai với các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan điện tử; kiểm tra sự phù hợp giữa nội dung khai với quy định pháp luật.

Điều 12. Kiểm tra thực tế hàng hóa

1. Hình thức, mức độ kiểm tra

a) Hình thức kiểm tra thực tế hàng hóa: Do công chức hải quan trực tiếp thực hiện; bằng máy móc, thiết bị kỹ thuật, các biện pháp nghiệp vụ khác;

b) Mức độ kiểm tra: Kiểm tra một phần lô hàng tới toàn bộ lô hàng.

2. Thẩm quyền quyết định hình thức và mức độ kiểm tra

Thủ trưởng cơ quan Hải quan nơi thực hiện thủ tục hải quan điện tử quyết định hình thức và mức độ kiểm tra.

3. Nội dung kiểm tra thực tế hàng hóa

Kiểm tra tên hàng, mã số, số lượng, trọng lượng, chủng loại, chất lượng, xuất xứ của hàng hóa; đối chiếu thực tế hàng hóa kiểm tra với hồ sơ hải quan điện tử.

Điều 13. Chuyển cửa khẩu

1. Người khai hải quan khai thông tin đề nghị chuyển cửa khẩu gửi đến cơ quan Hải quan nơi hàng hóa chuyển đến đối với hàng nhập khẩu, cơ quan Hải quan nơi hàng hóa chuyển đi đối với hàng xuất khẩu và nhận quyết định của cơ quan Hải quan về việc chuyển cửa khẩu đối với hàng hóa.

Người khai hải quan phải chịu trách nhiệm đảm bảo nguyên trạng hàng hóa, niêm phong hải quan, niêm phong hãn vận tải và đi đúng tuyến đường, địa điểm, cửa khẩu, thời gian như đã đăng ký và được cơ quan Hải quan chấp nhận.

2. Cơ quan Hải quan nơi hàng hóa chuyển đến đối với hàng nhập khẩu, cơ quan Hải quan nơi hàng hóa chuyển đi đối với hàng xuất khẩu tiếp nhận thông tin đề nghị chuyển cửa khẩu, quyết định cho phép chuyển cửa khẩu đối với hàng hóa hoặc từ chối và phản hồi thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan cho người khai hải quan.

3. Cơ quan Hải quan nơi hàng hóa chuyển đi đối với hàng nhập khẩu, cơ quan Hải quan nơi hàng hóa chuyển đến đối với hàng xuất khẩu quyết định việc kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật về hải quan hoặc không đảm bảo yêu cầu quản lý hải quan.

4. Cơ quan Hải quan nơi hàng hóa chuyển đi và nơi hàng hóa chuyển đến thực hiện việc giám sát hàng hóa được phép chuyển cửa khẩu.

Bộ Tài chính quy định cụ thể loại hàng hóa được phép chuyển cửa khẩu quy định tại Điều này.

Điều 14. Giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện thủ tục hải quan điện tử

1. Các phương thức giám sát hải quan:

a) Niêm phong hải quan;

b) Giám sát trực tiếp bởi công chức hải quan khi cần thiết;

c) Giám sát bằng phương tiện kỹ thuật gồm: Giám sát bằng camera, giám sát qua kiểm tra thông tin, giám sát bằng phương tiện kỹ thuật khác.

2. Việc xác định lô hàng, khu vực trọng điểm để áp dụng các phương thức giám sát hải quan quy định tại Khoản 1 Điều này được thực hiện trên cơ sở phân tích rủi ro.

Điều 15. Thủ tục hải quan trong trường hợp hệ thống gặp sự cố

1. Khi xảy ra sự cố với Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, cơ quan Hải quan có trách nhiệm thông báo trên trang Thông tin điện tử ngành Hải quan chậm nhất 02 giờ kể từ thời điểm xảy ra sự cố đối với những sự cố xảy ra trong giờ hành chính hoặc 02 giờ kể từ thời điểm bắt đầu ngày làm việc tiếp theo đối với những sự cố xảy ra trong thời gian nghỉ theo quy định của pháp luật, đồng thời tạo điều kiện để người khai hải quan thực hiện thủ tục hải quan bằng phương thức thủ công.

2. Khi xảy ra sự cố đối với hệ thống khai hải quan điện tử của người khai hải quan, người khai hải quan phải thông báo cho cơ quan Hải quan bằng văn bản hoặc bằng điện thoại hoặc bằng thư điện tử đã đăng ký với cơ quan Hải quan để phối hợp giải quyết. Đồng thời, theo yêu cầu để đảm bảo việc thực hiện thủ tục hải quan kịp thời, người khai hải quan được thực hiện thủ tục hải quan bằng phương thức thủ công.

Chương 3.

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ, cơ quan nhà nước liên quan có trách nhiệm phối hợp chuẩn hóa, cung cấp và trao đổi thông tin liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu với cơ quan Hải quan để thực hiện thủ tục hải quan điện tử quy định tại Nghị định này, thực hiện cơ chế một cửa ASEAN và cơ chế hải quan một cửa quốc gia.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCD TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;

Nguyễn Tấn Dũng

- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH. (3b)